

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng (Tỷ lệ 1/2000) Trung tâm
Điện lực Mông Dương tại phường Mông Dương, thị xã Cẩm Phả**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND tỉnh ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Đất đai, Luật Xây dựng và các Nghị định hướng dẫn;
Căn cứ Quyết định số 525/2006/QĐ-UBND ngày 14/02/2006 của UBND tỉnh “V/v Quy định về trình tự địa điểm, xét duyệt quy hoạch xây dựng...”;
Căn cứ Quyết định số 1195/QĐ - TTg ngày 09/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ “V/v quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù để đầu tư xây dựng các công trình điện cấp bách giai đoạn 2006-2010”;
Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-BCN ngày 06/01/2006 của Bộ Công nghiệp “V/v phê duyệt quy hoạch tổng thể Trung tâm Điện lực Mông Dương”;
Căn cứ văn bản số 159/CĐS-QLĐS ngày 27/3/2006 của Cục đường sông Việt Nam “V/v thỏa thuận nắn sông Mông Dương để xây dựng trung tâm điện lực Mông Dương công suất 2000 MW”;
Căn cứ Quyết định số 190/QĐ-EVN-HĐQT ngày 28/02/2007 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam “V/v phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy nhiệt điện Mông Dương I”;
Căn cứ Quyết định số 136/QĐ-BTNMT ngày 02/02/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “V/v phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy nhiệt điện Mông Dương I, công suất 1000 MW”;
Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 281/SXD-MBQH ngày 03/7/2007, Ban quản lý Dự án nhiệt điện I (Tập đoàn Điện lực Việt Nam) tại Tờ trình số 717/TTr-NĐ1-KT ngày 19/6/2007, UBND thị xã Cẩm Phả tại Tờ trình số 53/TT - UBND ngày 26/6/2007 và Hồ sơ quy hoạch chi tiết Trung tâm Điện lực Mông Dương (Tỷ lệ 1/2000) đã được UBND thị xã Cẩm Phả thỏa thuận và Sở Xây dựng thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng (Tỷ lệ 1/2.000) Trung tâm Điện lực Mông Dương của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tại phường Mông Dương, thị xã Cẩm Phả với các nội dung sau:

1. Địa điểm quy hoạch, phạm vi ranh giới, quy mô diện tích:

- Địa điểm quy hoạch: Tại khu vực Cầu Đen, phường Mông Dương, thị xã Cẩm Phả (UBND tỉnh phê duyệt địa điểm xây dựng tại số 3399/QĐ-UB ngày 30/9/2004);

- Phạm vi ranh giới:

+ Phía Tây và Tây Bắc giáp trung tâm phường Mông Dương, giáp tuyến Quốc lộ A (Hạ Long – Móng Cái), tuyến điện 110KV chạy qua;

+ Phía Đông Bắc giáp khe đất rộng kẹp giữa hai quả đồi đất;

+ Phía Đông giáp luồng Gạc thông ra biển; phía Đông Nam giáp các dãy núi thấp ven biển;

+ Phía Nam giáp các quả núi nhỏ, cửa sông Mông Dương, tuyến đường sắt vận chuyển than và tuyến đường Quốc lộ 18A (Hạ Long – Móng Cái);

- Tổng diện tích quy hoạch 247,017 Ha;

2. Quy mô và công suất Trung tâm Điện lực Mông Dương: Gồm 02 Dự án Nhà máy nhiệt điện chạy than:

- Dự án nhà máy nhiệt điện Mông Dương I: Công suất 2x500MW, công nghệ nhiệt điện ngưng hơi truyền thống, lò hơi tầng sôi tuần hoàn (Do Tập đoàn Điện lực Việt Nam làm chủ đầu tư);

- Dự án nhà máy nhiệt điện Mông Dương II: Công suất 2x600MW, công nghệ nhiệt điện ngưng hơi truyền thống, sử dụng lò đốt than phun (Do Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam làm chủ đầu tư).

Hệ thống cơ sở hạ tầng dùng chung (hệ thống cung cấp nhiên liệu than và dầu HFO, cấp nước ngọt, cấp nước làm mát, thoát nước thải làm mát, giao thông chính, bãi thải xỉ) do Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện. Sau khi hoàn thành cả hai Dự án, Trung tâm Điện lực Mông Dương sẽ có các chỉ tiêu kỹ thuật sau:

- Công suất phát điện: 2.200 MW;

- Sản lượng điện phát hàng năm: 12 tỷ KWh;

- Sản lượng điện thương phẩm hàng năm: 10,92 tỷ KWh;

- Tiêu hao nhiên liệu hàng năm (than): ≈ 6 triệu tấn;

3. Phân khu chức năng: Tổng Diện tích đất quy hoạch 247,017 Ha; phân thành 04 khu chính sử dụng lâu dài và 01 khu sử dụng tạm thời sau:

- Khu Nhà máy chính (I và II): 140,71 ha;

- Khu vực bãi xỉ: 51,852 ha;

- Kênh cấp nước làm mát: 21,388 ha;

- Kênh thải nước làm mát: 26,247 ha;

- Diện tích đất sử dụng tạm thời để nắn sông Mông Dương là: 36,816 ha;

Bảng thống kê sử dụng đất các khu chức năng:

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)	Tỷ trọng (%)
I	Khu nhà máy chính (I + II)	140,714	56,96
	- Đất xây dựng	118,000	
	- Đất khác	67,252	
	- Đất cây công nghiệp	28,327	
	- Mặt nước	45,135	
II	Bãi thải xỉ	51,852	8,85
	- Đất xây dựng	48,780	
	- Đất cây công nghiệp	31,496	
	- Mặt nước	20,356	
III	Kênh cấp nước làm mát	21,388	8,66
	- Đất xây dựng	18,948	
	- Đất khác	0,553	
	- Mặt nước	20,835	
IV	Kênh thải nước làm mát	26,247	10,63
	- Đất xây dựng	24,933	
	- Đất khác	1,752	
	- Đất cây công nghiệp	3,547	
	- Mặt nước	20,948	
V	Diện tích Nấm sông Mông Dương	36,816	14,90
	- Đất cây công nghiệp	7,594	
	- Đất khác	3,815	
	- Mặt nước	25,374	
	Tổng cộng	247,017	100,00

4. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

4.1. Chuẩn bị kỹ thuật:

- Cao độ nền được thiết kế trên cơ sở yêu cầu kỹ thuật của các Nhà máy Nhiệt điện, đặc tính của thủy triều và quy hoạch khu vực lân cận; lấy cao độ 8,0m làm cơ sở cho việc san nền cho toàn Trung tâm Điện lực;

- Thực hiện nắn cửa sông Mông Dương về phía Nam để tạo mặt bằng xây dựng khu vực Nhà máy chính;

- Do diện tích Trung tâm rộng và đặc điểm địa hình phức tạp, việc san nền căn cứ yêu cầu và đặc tính kỹ thuật từng khu chức năng để tổ chức san nền đảm bảo kinh tế - kỹ thuật, hạn chế đào đắp ô nhiễm môi trường;

4.2. Giao thông: Toàn bộ Trung tâm Điện lực được đấu nối với Quốc lộ 18A thông qua tuyến đường chính phía Bắc của khu Nhà máy chính. Có tuyến đường nối Nhà máy chính đến các khu chức năng khác; bên trong mỗi nhà máy

được thiết kế riêng các tuyến đường nội bộ, đảm bảo thuận tiện giao thông trong mỗi nhà máy. Các tuyến đường như sau:

- Xây dựng 01 Tuyến đường giao thông chính đầu nối Trung tâm Điện lực với Quốc lộ 18A rộng 10m (phía Bắc);

- Xây dựng 02 Tuyến đường (hướng Bắc – Nam) rộng 10m đầu nối từng nhà máy với tuyến đường chính;

- Xây dựng 01 Tuyến kết nối bên trong giữa 2 nhà máy, rộng 8m;

- Hệ thống đường nội bộ trong từng Nhà máy được thiết kế đảm bảo các loại phương tiện có thể tiếp cận tất cả các hạng mục công trình của nhà máy; đảm bảo quá trình vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa nhà máy;

- Các tuyến đường công vụ nối Nhà máy chính sang các đập chắn, các công trình khu vực bãi thải xỉ, kênh làm mát; đường rộng 5m;

- Xây dựng 01 cảng tiếp nhận dầu HFO cho Trung tâm Điện lực phía luồng Gạc; công suất 24.000 tấn/năm;

4.3. Cấp nước:

- Nguồn nước cấp trong quá trình thi công Dự án được lấy từ hệ thống cấp nước sinh hoạt cho phường Mông Dương. Vị trí điểm đầu nối tại Quốc lộ 18^a điểm đầu gần điểm đầu đường chính vào nhà máy. Lưu lượng nước là 2000 m³/ngày đêm (Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh thực hiện);

- Nguồn nước cấp phục vụ cho quá trình vận hành của Trung tâm Điện lực được lấy từ hồ Gốc thông (sông Thác Thầy), lưu lượng 20.000m³/ngày-đêm, nước thô được dẫn về và được xử lý tại Trung tâm Điện lực để cấp cho các Nhà máy (Đây là một tiểu Dự án – Do Tập đoàn Điện lực Việt Nam tự thực hiện);

- Cấp nước làm mát 2 nhà máy: Xây dựng hệ thống kênh chung dẫn nước biển từ luồng Gạc cấp chung cho cả 2 nhà máy, lưu lượng 82m³/s; cửa nhận nước, trạm bơm tuần hoàn, đường ống cấp nước làm mát được thiết kế độc lập cho mỗi nhà máy;

4.4. Thoát nước và xử lý nước thải:

a) Thoát nước thải:

- Các công trình kiến trúc có khối tích không lớn và nằm phân tán cách xa nhau nên chọn giải pháp dùng hệ thống thoát nước chung (thoát nước thải sinh hoạt và nước mưa). Nước thải sinh hoạt từ các công trình được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại đảm bảo tiêu chuẩn 3 ngày sau đó mới được xả ra hệ thống thoát nước chung;

- Nước thải rửa đường, sân bãi, các khu sản xuất được thu gom chảy vào đường các hồ, khu xử lý, xử lý sau đó thoát ra cống chung và thoát ra sông Mông Dương, biển hoặc ra kênh thải nước làm mát;

b) Thoát nước mặt:

- Hệ thống thu và thoát nước từ các sườn đồi: Xây dựng hệ thống công thu nước chạy dọc theo phía tiếp giáp đồi núi, sau đó được dẫn thải ra kênh thải nước làm mát, ra sông Mông Dương và ra biển;

- Thoát nước trong nhà máy: Được chia làm 02 hệ thống.

+ Các khu vực không bị ô nhiễm sẽ được thu lại theo hệ thống công rãnh và được thải ra kênh thải nước làm mát và ra sông Mông Dương;

+ Các khu vực ô nhiễm sẽ được xử lý cục bộ hoặc đưa về hệ thống xử lý nước thải công nghiệp trong mỗi Nhà máy. Lượng nước sau khi xử lý được thu theo hệ thống công rãnh và được thải ra kênh làm mát, ra sông Mông Dương. Các chất ô nhiễm lẫn một phần nước còn lại sẽ được đưa về hệ thống xử lý nước thải công nghiệp trong mỗi Nhà máy;

- Xây dựng 2 hệ thống thoát nước của 2 nhà máy độc lập với nhau; đều có hố thu nước, đường ống dẫn bằng bê tông cốt thép đặt ngầm dưới đất, trạm xử lý nước thải công nghiệp riêng;

c) Thoát nước thải làm mát máy: Xây dựng hệ thống kênh thoát nước chung cho cả Trung tâm Điện lực, hướng thoát nước kênh thoát về phía Tây Nam, thoát ra luồng Gạc;

4.5. Cấp điện:

- Nguồn điện phục vụ cho giai đoạn thi công xây dựng Dự án được lấy từ trạm biến áp phường Mông Dương qua tuyến đường dây 35KV. Các trạm biến áp thi công dự kiến bố trí ở phía Bắc của Trung tâm Điện lực Mông Dương;

- Nguồn điện cấp quá trình vận hành Trung tâm Điện lực sẽ được trích từ các Trạm điện ra của Trung tâm;

- Trung tâm Điện lực đấu nối với lưới điện Quốc gia bằng đường dây 500KV mạch kép Mông Dương – Quảng Ninh; sân phân phối 500KV và trạm biến áp tự dùng cho 02 nhà máy được bố trí thành 02 khu riêng biệt;

4.6. Bãi thải xỉ: Nằm phía Đông Bắc, tổng diện tích 51,85 Ha, tại vùng đất trũng kẹp giữa hai dãy đồi cao; đắp hai đập chặn hia đầu lại tạo thành thung lũng để chứa thải xỉ Trung tâm Điện lực;

4.7. Nguyên liệu chính Trung tâm Điện lực (than):

- Nhu cầu than của toàn khu Trung tâm Điện lực Mông Dương khoảng 6 triệu tấn/năm;

- Nguồn cấp than được lấy từ nhiều mỏ than khác nhau (Mỏ Khe Chàm I, II, III, IV; Mỏ Cao Sơn; Mỏ Mông Dương; Mỏ Cọc 6...) thuộc khu vực Mông Dương - Khe Chàm và lấy từ nhà máy tuyển than Khe Chàm;

- Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đảm nhận việc cung cấp than cho toàn Trung tâm bằng hệ thống băng tải kín vận chuyển đến các Nhà máy; các tháp tiếp nhận than của khu Trung tâm nằm ở phía Nam của Khu nhà máy chính;

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (Chủ đầu tư) thực hiện các bước triển khai các Dự án đảm bảo quy định của Luật Đất đai, Luật Xây dựng và các quy định khác hiện hành; tổ chức công bố công khai quy hoạch được duyệt; lập và trình duyệt các hồ sơ về đất đai và Quy hoạch chi tiết xây dựng các Nhà máy, hạng mục Dự án; Dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công các công trình; báo cáo đánh giá tác động môi trường; tổ chức triển khai xây dựng các công trình Dự án theo quy hoạch được duyệt;

- Giao Ủy ban Nhân dân thị xã Cẩm Phả phối hợp với các Chủ đầu tư để công bố công khai quy hoạch được duyệt; phối hợp thực hiện việc bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư thực hiện Dự án;

- Giao các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông – Vận tải, Công nghiệp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính và các ngành, đơn vị liên quan phối hợp với Ủy ban Nhân dân thị xã Cẩm Phả hướng dẫn thủ tục, hỗ trợ các Chủ đầu tư, các Đơn vị tư vấn trong quá trình lập và trình duyệt các hồ sơ Dự án, quá trình triển khai các Dự án Trung tâm Điện lực Mông Dương;

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông – Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Công nghiệp, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thị xã Cẩm Phả; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 1 (Tập đoàn Điện lực Việt Nam); Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./. *ra*

Nơi nhận:

- TT Tỉnh Ủy, HĐND tỉnh (B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh (B/c);
- V0, V1, V2;
- Như điều 3 (thực hiện);
- QH2, XD, TM1-2, NLN2, QLĐĐ, CN1-2, GTĐĐ, MT, TH1-3;
- Lưu: VT, QH2;
36H-QĐ236

TM. UBND TỈNH QUẢNG NINH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Hưng